

# Thực trạng giáo dục học sinh bằng phương pháp kĩ luật tích cực ở các trường tiểu học thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Đinh Thị Hồng Vân<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thị Hồng<sup>2</sup>, Trần Minh Đức<sup>3</sup>,  
Trần Thế Sơn<sup>3</sup> và Phạm Thị Diệp<sup>4</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

<sup>2</sup>Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

<sup>3</sup>Trường Đại học Hà Tĩnh

<sup>4</sup>Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

## TÓM TẮT

Kĩ luật tích cực là phương pháp giáo dục học sinh hiệu quả đang được thúc đẩy áp dụng tại các trường học. Nghiên cứu này nhằm trình bày thực trạng thực trạng giáo dục học sinh bằng phương pháp kĩ luật tích cực ở các trường tiểu học thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Phương pháp nghiên cứu là điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn. Dữ liệu thu thập từ 179 cán bộ quản lí, giáo viên và 400 học sinh và được xử lí bằng phần mềm SPSS 26.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy các cán bộ quản lí, giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp kĩ luật tích cực. Các học sinh rất mong muốn giáo viên sử dụng phương pháp này. Các trường tiểu học thành phố Pleiku đã triển khai phương pháp giáo dục học sinh bằng kĩ luật tích cực và đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy vậy, vẫn còn hạn chế về biện pháp thực hiện, điều kiện đảm bảo, năng lực thực hiện của giáo viên. Thực trạng này cho thấy các trường cần có những biện pháp để nâng cao hiệu quả việc sử dụng giáo dục học sinh bằng phương pháp kĩ luật tích cực.

**Từ khóa:** giáo dục, trường tiểu học, kĩ luật tích cực

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, Ban chấp hành trung ương 8 khoá XI đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW Việt Nam về thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo [1]. Theo đó, năm 2018 Chương trình giáo dục phổ thông đã được ban hành và thực hiện bắt đầu ở cấp tiểu học từ năm học 2020-2021 [2]. Một trong những định hướng về phương pháp giáo dục học sinh (HS) là “tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập” [2]. Thực tế trong rất nhiều trường hợp khi trẻ mắc lỗi, người lớn thường dùng các hình phạt hà khắc như đánh đập, mắng chửi để mong muốn trẻ thay đổi, sửa sai và không phạm lại lỗi đó nữa. Song kết quả thường không được như họ mong muốn. Thay vì làm theo ý người lớn, nhiều trẻ trở nên khó bảo hơn, lì lợm và chống đối; cũng có nhiều trẻ trở nên khép mình hơn, trầm

cảm và thiếu tự tin. Hậu quả là trẻ thường học tập kém, phát triển không toàn diện về thể chất, tinh thần và mối quan hệ với người lớn ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Chính vì vậy, hiện nay, trong các cơ sở giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã ban hành các văn bản yêu cầu giáo viên (GV) không được trừng phạt HS. Khoản 4, Điều 6, Quy định về Đạo đức nhà giáo ghi rõ: “Không xâm phạm thân thể, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học, đồng nghiệp, người khác. Không làm ảnh hưởng đến công việc, sinh hoạt của đồng nghiệp và người khác” [3]. Điểm 5, Khoản 1, Điều 31 của Điều lệ nhà trường tiểu học quy định tương tự: “Không xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể người khác; không hút thuốc; uống rượu, bia; gây rối an ninh, trật tự” [4]. Luật Giáo dục, Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, Bộ Luật Hình sự đều nghiêm cấm các hành vi trừng phạt, bạo lực với trẻ em [5-7]. Như vậy, quan điểm của giáo dục nước ta

Tác giả liên hệ: TS. Đinh Thị Hồng Vân

Email: [dthvan@hueuni.edu.vn](mailto:dthvan@hueuni.edu.vn)

nghiêm cấm giáo dục bằng trừng phạt, thay vào đó là giáo dục bằng kỉ luật tích cực.

Giáo dục bằng phương pháp kỉ luật tích cực là phương pháp giáo dục dựa trên nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của học sinh; không làm tổn thương đến thể xác và tinh thần của học sinh; có sự thỏa thuận giữa giáo viên - học sinh và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh [8]. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy việc áp dụng phương pháp kỉ luật tích cực đã giảm thiểu các hành vi tiêu cực như sử dụng chất kích thích, gây nghiện, hành vi bạo lực, có ý định tự tử và nâng cao thành tích học tập [9-11].

Trong thời gian qua, để hỗ trợ cho các trường triển khai thực hiện giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực, một số tài liệu về nội dung này đã được xuất bản như: Phương pháp kỉ luật tích cực của dự án Plan [12], Tài liệu tập huấn giáo dục kỉ luật tích cực (tài liệu dành cho GV trung học cơ sở) của Dự án “Thúc đẩy quản lí cộng đồng tại Việt Nam” [13], Tài liệu bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông về giáo dục kỉ luật tích cực của Bộ GD&ĐT [8], Giáo trình giáo dục kỉ luật tích cực cho trẻ mầm non của Nguyễn Thị Hòa và cộng sự [14]. Tuy nhiên, những nghiên cứu thực tiễn về việc sử dụng phương pháp kỉ luật tích cực trong giáo dục HS còn ít.

Cũng như các trường tiểu học trên cả nước, các trường tiểu học thành phố Pleiku đang triển khai giáo dục HS bằng kỉ luật tích cực. Tuy vậy, do đây là phương pháp giáo dục mới nên việc thực hiện còn gặp khó khăn. Xuất phát từ thực trạng này, nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực ở các trường tiểu học thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Đây là cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục HS bằng kỉ luật tích cực.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Khách thể khảo sát: Nghiên cứu tiến hành khảo sát trên 179 cán bộ quản lí, GV các trường tiểu học thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, trong đó GV chiếm 71.5%. Do đặc thù của trường tiểu học chủ yếu là nữ nên giới tính nữ trong khảo sát chiếm 95.5%. Độ tuổi của nhóm khách thể khảo sát từ 30 tuổi trở lên chiếm 96.6%. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn khảo sát 400 HS lớp 4 và 5 (nhóm HS có thời gian học tập trong trường tiểu học khá lâu và về nhận thức, các em có khả năng trả lời bảng hỏi), trong đó, giới tính nam chiếm 50.5% và lớp 4 chiếm 52.8%. Ngoài ra, nghiên cứu còn tiến hành phỏng vấn là 3 GV (ký hiệu là GV1, GV2, GV3) và 3 cán bộ quản lí (CBQL1, CBQL2, CBQL3).

- Thu thập dữ liệu: Dữ liệu được thu thập từ 4/2023 đến 6/2023. Hiện nay, thành phố Pleiku có 27 trường tiểu học. Do hạn chế về thời gian và kinh phí, nghiên cứu tiến hành khảo sát GV, HS ở 6 trường tiểu học thành phố Pleiku: Trường Tiểu học Cù Chính Lan, Trường Tiểu học Chu Văn An, Trường Tiểu học Ngô Mây, Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám, Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi. Về cán bộ quản lí, do số lượng ở từng trường không nhiều nên nghiên cứu tiến hành khảo sát trên 27 trường. Nhóm nghiên cứu đã liên hệ với Hiệu trưởng các trường tiểu học và trình bày về mục đích, phương pháp thu thập dữ liệu, nhiệm vụ của người tham gia trả lời bảng hỏi. Sau khi được sự đồng ý của Hiệu trưởng, bảng hỏi đã được phát cho các cán bộ quản lí, GV, HS. Tất cả thông tin liên quan đến nghiên cứu, bao gồm nhiệm vụ, lợi ích và rủi ro của người tham gia, cũng như tính chất tự nguyện của việc tham gia và rút lui, đều được giải thích rõ ràng cho cán bộ quản lí, GV và HS.

- Công cụ: Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi để thu thập các thông tin đánh giá thực trạng giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực. Có 2 bảng hỏi được thiết kế. Bảng hỏi dành cho cán bộ quản lí và GV nhằm đánh giá các nội dung: Nhận thức về vai trò của việc giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực; Mức độ thực hiện các biện pháp giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực; Mức độ thực hiện nguyên tắc giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực; Phẩm chất và năng lực của đội ngũ GV trong thực hiện giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực; Điều kiện đảm bảo thực hiện giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực. Bảng hỏi HS nhằm tìm hiểu các nội dung: Mong muốn GV thực giáo dục bằng phương pháp kỉ luật tích cực; Cảm xúc của HS khi GV giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực. Các phương án trả lời được thiết kế theo thang likert 4 điểm (với bảng hỏi GV) và 3 điểm (với bảng hỏi HS). Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn để làm rõ thông tin thu thập được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

- Phương pháp xử lí số liệu: Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 26.0 để xử lí các thông tin thu thập từ bảng hỏi với các đại lượng phân tích thống kê mô tả: phần trăm, điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC). Với phương pháp phỏng vấn, chúng tôi phân tích từng ca sau đó nhóm các nội dung thành các chủ điểm chung.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên về vai trò của hoạt động giáo dục học sinh tiểu học bằng phương pháp kỉ luật tích cực

Giáo dục HS bằng kỉ luật tích cực là phương pháp mới trong giáo dục HS. Thay vì giáo dục bằng

trừng phạt, các GV củng cố các hành vi tích cực, giáo dục bằng tình yêu thương, động viên, khuyến khích HS. Để thực hiện giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực, cán bộ quản lí, GV phải nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp giáo dục này.

**Bảng 1.** Đánh giá của cán bộ quản lí, GV về vai trò của phương pháp kỉ luật tích cực

TT	Vai trò	ĐTB	ĐLC
1	Giúp HS có cảm giác an toàn trong lớp học, trường học	3.73	0.444
2	HS cảm thấy được tôn trọng, được khích lệ, động viên, từ đó tự tin và hứng thú học tập	3.52	0.501
3	Giúp HS vượt qua rào cản tâm lí, giảm bớt sự căng thẳng trong học tập và cuộc sống	3.54	0.500
4	Giúp HS dễ hòa nhập với tập thể, gần gũi với bạn bè, thầy cô hơn	3.59	0.494
5	GV giảm được áp lực quản lí lớp học vì HS hiểu và tự giác chấp hành kỉ luật	3.44	0.498
6	Xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa thầy và trò, GV được HS tin tưởng, yêu quý và tôn trọng	3.75	0.432
7	GV hạn chế sai lầm khi sử dụng biện pháp trừng phạt	3.42	0.495
8	Nhà trường xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, thân thiện	3.77	0.421
9	Gia đình an tâm, tin tưởng vào nhà trường và GV	3.69	0.465
10	Giúp xã hội giảm thiểu được tình trạng bạo hành, bạo lực học đường	3.66	0.475

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$ ), ĐLC: Độ lệch chuẩn; Thang đánh giá: 1: Hoàn toàn không đồng ý, 2: Phần lớn không đồng ý, 3: Phần lớn đồng ý, 4: Hoàn toàn đồng ý.

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy các cán bộ quản lí và GV đều đánh giá cao các vai trò của việc giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực. ĐTB của các vai trò từ 3.42 đến 3.77, tức chủ yếu ở mức “hoàn toàn đồng ý”. Không có ai lựa chọn phương án “hoàn toàn không đồng ý” và “phần lớn không đồng ý”. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc triển khai phương pháp giáo dục này.

Trong tương quan chung, những vai trò được đánh giá cao hơn là: “Nhà trường xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, thân thiện”, “Xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa thầy và trò, GV được HS tin tưởng, yêu quý và tôn trọng”, “Giúp HS có cảm giác an toàn trong lớp học, trường học” với

ĐTB lần lượt là 3.77, 3.75 và 3.73. Bản chất của giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực không sử dụng trừng phạt và bằng tình yêu và sự tin tưởng, do vậy, sẽ thúc đẩy các mối quan hệ trong nhà trường, tạo lập môi trường an toàn, thân thiện. Đây là điều mong muốn của cha mẹ HS và HS. Có như vậy mỗi ngày đến trường là một niềm vui.

Nghiên cứu cũng đã khảo sát HS với câu hỏi: “*Mỗi khi Thầy/Cô khen ngợi, động viên em, em cảm thấy như thế nào?*” Kết quả ở Bảng 2 cho thấy HS cho rằng mình: “thích đi học”, “yêu quý thầy/cô hơn”, “vui, hạnh phúc”. Dữ liệu nghiên cứu này càng khẳng định thêm về vai trò của giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực.

**Bảng 2.** Cảm nhận của HS khi được thầy/cô khen ngợi, động viên

TT	Nội dung	Số lượng	Phần trăm
1	Vui, hạnh phúc	261	65.3
2	Có động lực để cố gắng trong học tập	63	15.8
3	Thích đi học	307	76.8
4	Yêu quý Thầy/Cô	276	69.0

Các cán bộ quản lí, GV cũng đều ghi nhận rằng với giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực thì:

“HS cảm thấy được tôn trọng, được khích lệ, động viên, từ đó tự tin và hứng thú học tập”,

“Giúp HS vượt qua rào cản tâm lí, giảm bớt sự căng thẳng trong học tập và cuộc sống”, “Giúp HS dễ hòa nhập với tập thể, gần gũi với bạn bè, thầy cô hơn”, “GV giảm được áp lực quản lí lớp học vì HS hiểu và tự giác chấp hành kỉ luật”, “GV hạn chế sai lầm khi sử dụng biện pháp trừng phạt”, “Gia đình an tâm, tin tưởng vào Nhà trường và GV”, “Giúp xã hội giảm thiểu được tình trạng bạo hành, bạo lực học đường”.

Tuy vậy, kết quả phỏng vấn cho thấy không phải GV nào cũng thấy được tầm quan trọng của giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực. Một số GV chia sẻ rằng: *trừng phạt vẫn tác dụng hiệu quả hơn, tác dụng ngay; còn kỉ luật tích cực thì cần kiên nhẫn và có thời gian lâu dài nhưng nhiều tình huống không cho phép chờ đợi mà phải xử lí tức thì. Nhiều*

*HS nói nhẹ không nghe mà cứ phải nói nặng (GV2, GV3). Như vậy, cần thay đổi nhận thức cho GV trong sử dụng các phương pháp giáo dục. Giáo dục bằng trừng phạt có thể hiệu quả tức thì nhưng lại gây ra nhiều hậu quả lâu dài cho HS: để lại những tổn thương thể chất và tinh thần cho HS; HS làm nhưng không tâm phục nên không chuyển hóa thành lòng tin và hành động; đặc biệt là HS có thể bắt chước hành động của người lớn.*

### 3.2. Thực trạng sử dụng các biện pháp giáo dục học sinh bằng phương pháp kỉ luật tích cực ở các trường tiểu học

Nghiên cứu đã xác định 4 nhóm biện pháp giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực. Kết quả khảo sát được trình bày ở Bảng 3.

**Bảng 3.** Đánh giá của cán bộ quản lí, GV về mức độ thực hiện các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực cho HS

TT	Biện pháp	ĐTB	ĐLC
<b>I</b>	<b>Xây dựng quy tắc lớp học và các nguyên tắc trong các hoạt động</b>		
1	Thiết lập các giới hạn cho HS: Có, Có thể, Không	2.97	0.529
2	Khuyến khích HS tham gia xây dựng quy tắc lớp học	2.96	0.549
<b>II</b>	<b>Khen ngợi</b>		
1	Khen ngợi cụ thể, gắn với việc HS làm tốt/tiến bộ	3.02	0.556
2	Khen một cách chân thành	3.29	0.455
3	Để lại cảm xúc tích cực cho HS khi khen	3.35	0.477
4	Khen ngay lập tức khi HS tiến bộ hoặc làm được việc tốt	3.23	0.463
<b>III</b>	<b>Khích lệ</b>		
1	Thể hiện sự hiểu biết, thông cảm và chấp nhận HS (không so sánh với HS khác)	2.78	0.620
2	Tập trung vào điểm mạnh của HS	2.81	0.616
3	Tập trung vào điểm cố gắng, tiến bộ của HS	2.92	0.575
<b>IV</b>	<b>Ứng xử với sai phạm của HS</b>		
1	Sử dụng hệ quả tự nhiên (Cho HS trải nghiệm những tình huống không gây nguy hiểm để giúp HS nhận ra hành vi chưa đúng của mình)	2.75	0.526
2	Sử dụng hệ quả logic thay cho trừng phạt (GV giảng giải một cách hợp lý còn giúp HS dễ dàng hiểu và chấp nhận được cảm xúc và quan điểm của người khác cũng như biết việc HS làm có ảnh hưởng tới người khác như thế nào)	2.83	0.607

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$ ), ĐLC: Độ lệch chuẩn; Thang đánh giá: 1: Chưa bao giờ, 2: Thỉnh thoảng, 3: Khá thường xuyên, 4: Rất thường xuyên.*

Kết quả khảo sát cho thấy 4 nhóm biện pháp đều được sử dụng trong giáo dục HS song với các mức độ khác nhau, ĐTB từ 2.75 đến 3.35. Biện pháp “khen ngợi” là được sử dụng nhiều nhất. HS tiểu học là lứa tuổi rất cần động viên, khích lệ. Các HS

mới bắt đầu vào hoạt động học với nhiều khó khăn nên mỗi sự ghi nhận của GV đều tạo động lực cho HS. Cách khen của GV hết sức quan trọng. Biểu hiện của GV được đánh giá cao nhất là: “Để lại cảm xúc tích cực cho HS khi khen” (ĐTB =

3.35). Tiếp đến là “Khen một cách chân thành” (ĐTB = 3.29) và “Khen ngay lập tức khi HS tiến bộ hoặc làm được việc tốt” (ĐTB = 3.23). Biểu hiện GV hạn chế nhất khi khen là “Khen ngợi cụ thể, gắn với việc HS làm tốt/tiến bộ”. Một GV trao đổi: “*Nhiều khi vì không có thời gian nên chỉ khen là “con làm bài tốt”, “con có tiến bộ”*” (GV1). Bản chất của khen là ghi nhận nhưng phải cụ thể để HS biết phát huy điểm mạnh của mình.

Các GV đã chú ý đến sử dụng “khích lệ” song biện pháp này vẫn còn những hạn chế. Biểu hiện “Thể hiện sự hiểu biết, thông cảm và chấp nhận HS (không so sánh với HS khác)” không được đánh giá cao (ĐTB = 2.78). GV vẫn có xu hướng so sánh các HS với nhau, dấu động cơ của GV là muốn HS noi gương theo bạn nhưng hành động này vô tình khiến HS cảm thấy mặc cảm, tự tin; nếu lâu dài thì sự tự tin vào giá trị của bản thân HS sẽ giảm sút. Thói quen giáo dục của người Việt là thường chú trọng vào khuyết điểm để HS khắc phục và tiến bộ. Do đó, các biểu hiện: “Tập trung vào điểm mạnh của HS”, “Tập trung vào điểm cố gắng, tiến bộ của HS” cũng chưa được thực hiện phổ biến trong nhà trường. Thực tế tập trung vào điểm yếu chỉ khiến HS xoáy sâu vào hạn chế của mình; tập trung vào điểm mạnh và sự tiến bộ thì HS mới có động lực vươn lên.

Biện pháp “Xây dựng quy tắc lớp học và các hoạt động tắc trong các hoạt động” cũng đã được thực hiện ở mức độ “khá thường xuyên” với các biểu hiện: “Thiết lập các giới hạn cho HS: Có, Có thể, Không”, “Khuyến khích HS tham gia xây dựng quy tắc lớp học”. Tuy nhiên, theo ý kiến chia sẻ của một GV trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám: “*Các giới hạn thể hiện trong các quy định của trường, lớp, chủ yếu là những quy định HS không được làm hoặc phải làm như: không được đi học trễ; không được nói chuyện riêng trong lớp; phải hoàn thành bài tập trước khi đến lớp...*” (GV2). Như vậy, những giới hạn Nhà trường đặt ra ít cho HS cơ hội lựa chọn.

Trong các nhóm biện pháp, “ứng xử với sai phạm của HS” là biện pháp ít được sử dụng nhất. Đặc trưng của biện pháp này là khi HS sai phạm, GV không dùng trừng phạt mà dùng hệ quả tự nhiên và hệ quả logic. Việc thay đổi thói quen là vô cùng khó khăn. Trừng phạt thể hiện uy quyền của người lớn. Sử dụng hệ quả tự nhiên và logic đòi hỏi người lớn phải là người bạn, người đồng hành với trẻ để có thể giảng giải, phân tích hợp lí, trẻ có thể chấp nhận. Việc sử dụng biện pháp này thường mất nhiều thời gian. Đây có thể là lí do khiến nhóm biện pháp này ít được thực hiện nhất trong Nhà trường.

**Bảng 4.** Đánh giá của HS về mong muốn mức độ thực hiện các biện pháp giáo dục HS bằng kỉ luật tích cực của thầy/cô

TT	Hành vi	ĐTB	ĐLC
1	Khen ngợi HS	2.86	0.345
2	Khích lệ HS tham gia vào các hoạt động	2.65	0.534
3	Không so sánh với HS khác	2.83	0.380
4	Chỉ ra sự tiến bộ, điểm mạnh của HS	2.78	0.418
5	Hướng dẫn HS những cái được làm, cái không được làm	2.75	0.434

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$ ), ĐLC: Độ lệch chuẩn; Thang đánh giá: 1: Không mong muốn, 2: Mong muốn, 3: Rất mong muốn.

Mặc dù sử dụng phương pháp kỉ luật tích cực mất nhiều thời gian và đòi hỏi GV cần thay đổi nhiều trong thói quen ứng xử với HS, tuy nhiên, phương pháp này tác động tích cực đến HS. Thêm vào đó, về phía HS, các em rất mong muốn được giáo dục bằng phương pháp này. Dữ liệu ở Bảng 4 cho thấy các biện pháp được HS “rất mong muốn” các thầy/cô thực hiện (ĐTB từ 2.75 đến 2.86). HS mong muốn thầy/cô: “Khen ngợi HS”, “Không so sánh với HS khác”, “Chỉ ra sự tiến bộ, điểm mạnh

của HS”, “Hướng dẫn HS những cái được làm, cái không được làm”, “Khích lệ HS tham gia vào các hoạt động”. Chính vì vậy, các thầy/cô cần thực hiện các biện pháp giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực nhiều hơn.

### 3.3. Thực trạng đảm bảo các nguyên tắc giáo dục học sinh bằng phương pháp kỉ luật tích cực ở các trường tiểu học

Các nguyên tắc là nhằm định hướng cho hành vi

của GV khi thực hiện nguyên tắc. Để kỉ luật tích cực được áp dụng hiệu quả đòi hỏi các quy định đặt ra phải có sự thoả thuận giữa GV và HS; trẻ hiểu các nguyên tắc và chấp nhận thực hiện; quy định và hình thức kỉ luật tích cực có thể điều chỉnh

để phù hợp với trẻ, với thực tiễn. Kết quả khảo sát ở Bảng 5 cho thấy việc thực hiện các nguyên tắc giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực được các GV sử dụng chủ yếu ở mức “khá” với ĐTB từ 2.93 đến 3.27.

**Bảng 5.** Đánh giá của cán bộ quản lí, GV về thực hiện các nguyên tắc giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật với HS

TT	Nguyên tắc	ĐTB	ĐLC
1	Kỉ luật được xây dựng trên nguyên tắc hợp lí và có sự thoả thuận giữa GV và HS	3.27	0.492
2	Kỉ luật được giải thích rõ ràng cho HS hiểu và phải được trẻ chấp nhận	3.26	0.512
3	Các lí do kỉ luật phải dựa trên nguyên tắc vì lợi ích của trẻ chứ không dựa trên lợi ích của người lớn	3.06	0.420
4	Kỉ luật có thể được thay đổi nếu trẻ vi phạm kỉ luật bởi vì động cơ tốt	3.22	0.525
5	HS được phép thắc mắc, được nghe giải thích về lí do bị kỉ luật và có cơ hội giải thích để GV thay đổi ý kiến về việc kỉ luật trẻ	3.11	0.635
6	Cả người lớn và trẻ em đều có thể đề nghị xem xét tính chặt chẽ và hợp lí của hình thức kỉ luật theo sự thay đổi của thời gian	2.93	0.397

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $3 \leq \text{ĐTB} \leq 4$ ), ĐLC: Độ lệch chuẩn; Thang đánh giá: 1: Yếu, 2: Trung bình, 3: Khá, 4: Tốt.

Những nguyên tắc được thực hiện nhỉnh hơn là: “Kỉ luật được xây dựng trên nguyên tắc hợp lí và có sự thoả thuận giữa GV và HS”, “Kỉ luật được giải thích rõ ràng cho HS hiểu và phải được trẻ chấp nhận” và “Kỉ luật có thể được thay đổi nếu trẻ vi phạm kỉ luật bởi vì động cơ tốt” với ĐTB lần lượt là 3.27, 3.26 và 3.22. Nguyên tắc được đánh giá thực hiện hạn chế hơn là: “Cả người lớn và trẻ em đều có thể đề nghị xem xét tính chặt chẽ và hợp lí của hình thức kỉ luật theo sự thay đổi của thời gian”. Một GV Trường Tiểu học Ngô Mây chia sẻ: “Các hình thức kỉ luật tích cực chủ yếu là do GV đề xuất và quyết định. HS tiểu học khá nhỏ nên ít khi đề

xuất mà thường nghe theo ý kiến của GV” (GV3). Kỉ luật tích cực khuyến khích sự tham gia của HS vào trong xây dựng quy định, hình thức kỉ luật, có như vậy, HS mới ý thức hơn về những cái mình cần làm và có trách nhiệm hơn khi thực hiện.

### 3.4. Thực trạng phẩm chất và năng lực của đội ngũ giáo viên khi thực hiện giáo dục học sinh bằng phương pháp kỉ luật tích cực

Kỉ luật tích cực là phương pháp giáo dục khá mới mẻ, đòi hỏi ở GV nhiều phẩm chất và năng lực. Nghiên cứu xác định 10 phẩm chất và năng lực của GV. Kết quả khảo sát được trình bày ở Bảng 6.

**Bảng 6.** Đánh giá của cán bộ quản lí, GV về phẩm chất và năng lực của đội ngũ GV khi thực hiện giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực

TT	Phẩm chất và năng lực	ĐTB	ĐLC
1	Hiểu, thông cảm với HS	3.16	0.646
2	Chấp nhận HS	3.11	0.649
3	Tôn trọng HS	3.00	0.335
4	Yêu thương HS	3.42	0.496

TT	Phẩm chất và năng lực	ĐTB	ĐLC
5	Xây dựng quy tắc lớp học rõ ràng, nhất quán	2.93	0.411
6	Khen ngợi	3.29	0.479
7	Khích lệ	2.98	0.423
8	Lắng nghe tích cực	2.94	0.532
9	Sử dụng hệ quả tự nhiên (Cho HS trải nghiệm những tình huống không gây nguy hiểm để giúp HS nhận ra hành vi chưa đúng của mình)	2.91	0.537
10	Sử dụng hệ quả logic thay cho trừng phạt (GV giảng giải một cách hợp lý còn giúp HS dễ dàng hiểu và chấp nhận được cảm xúc và quan điểm của người khác cũng như biết việc HS làm có ảnh hưởng tới người khác như thế nào)	3.17	0.456

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$ ), ĐLC: Độ lệch chuẩn; Thang đánh giá: 1: Chưa đạt, 2: Trung bình, 3: Khá, 4: Tốt.

Dữ liệu ở Bảng 6 cho thấy các phẩm chất và năng lực của GV chủ yếu được đánh giá ở mức “khá” với ĐTB từ 2.91 đến 3.42. Trong đó, các phẩm chất được đánh giá cao hơn so với năng lực. Để giáo dục HS bằng kỉ luật tích cực, GV cần “Hiểu, thông cảm với HS”, “Chấp nhận HS”, “Tôn trọng HS”, “Yêu thương HS”. Trong các phẩm chất này, “Yêu thương HS” là phẩm chất được cán bộ quản lí, GV đánh giá cao ở GV nhất với ĐTB là 3.42. Chỉ với tình yêu thương HS, GV mới có thể kiên nhẫn lắng nghe HS, suy nghĩ những cách thức khen ngợi, khích lệ tích cực để tạo động lực cho HS. Tuy nhiên, GV cần thực hành và rèn luyện thêm để có thể hiểu, đồng cảm với HS nhiều hơn khi HS có hành vi chưa đúng, chấp nhận sự khác biệt giữa các HS và tôn trọng HS.

Về năng lực của GV, 2/6 năng lực được đánh giá trên 3 điểm, đó là: “Khen ngợi”, “Sử dụng hệ quả logic thay cho trừng phạt (GV giảng giải một cách hợp lý còn giúp HS dễ dàng hiểu và chấp nhận được cảm xúc và quan điểm của người khác cũng như biết việc HS làm có ảnh hưởng tới người khác như thế nào)”. Còn 4/6 năng lực được đánh giá dưới 3 điểm, đó là: “Xây dựng quy tắc lớp học rõ ràng, nhất quán”, “Khích lệ”, “Lắng nghe tích cực”,

“Sử dụng hệ quả tự nhiên (Cho HS trải nghiệm những tình huống không gây nguy hiểm để giúp HS nhận ra hành vi chưa đúng của mình)”. Một GV chia sẻ: “Thói quen hàng ngày gây cản trở giáo dục HS bằng kỉ luật tích cực. Nhiều khi nghĩ mình làm đúng nhưng hoá ra không phải như vậy. Chẳng hạn trong xây dựng quy tắc lớp học, GV đưa ra các nguyên tắc cho HS mà HS không tham gia và có ý kiến. Có nhiều kiến thức chúng tôi chưa biết sâu như sử dụng hệ quả tự nhiên, lắng nghe tích cực... Kỉ luật tích cực nghe hay nhưng thực sự khó để áp dụng” (GV3). “Một số GV cốt cán trong thành phố được tham gia tập huấn, sau đó về tập huấn lại cho GV cốt cán từng trường, và GV cốt cán của trường lại tập huấn cho GV toàn trường. Cách thức như vậy không hiệu quả cho việc nâng cao năng lực cho đội ngũ GV”, một cán bộ quản lí chia sẻ (CBQL1).

### 3.5. Thực trạng các điều kiện đảm bảo thực hiện giáo dục học sinh bằng phương pháp kỉ luật tích cực

Nghiên cứu xác định 5 điều kiện cơ bản tác động đến giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực. Kết quả khảo sát được trình bày ở Bảng 7.

**Bảng 7.** Đánh giá của cán bộ quản lí, GV về điều kiện thực hiện kỉ luật tích cực cho HS ở trường

TT	Các điều kiện	ĐTB	ĐLC
1	Nhà trường quan tâm, chú trọng đến đổi mới phương pháp giáo dục HS bằng phương pháp kỉ luật tích cực, không sử dụng trừng phạt.	3.12	0.504

TT	Các điều kiện	ĐTB	ĐLC
2	Hiểu biết, năng lực sử dụng phương pháp kĩ thuật tích cực của GV	2.94	0.363
3	Sự thống nhất giữa các lực lượng giáo dục trong Nhà trường trong việc sử dụng phương pháp kĩ thuật tích cực, nói không với trừng phạt	3.09	0.533
4	Sự phối kết hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục HS bằng phương pháp kĩ thuật tích cực	2.84	0.452
5	Các tài liệu hướng dẫn thực hiện kĩ thuật tích cực cho HS	2.98	0.326

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$ ), ĐLC: Độ lệch chuẩn; Thang đánh giá: 1: Chưa đáp ứng, 2: Trung bình, 3: Khá, 4: Tốt.

Dữ liệu khảo sát cho thấy các điều kiện được đánh giá chủ yếu ở mức “khá”. ĐTB dao động từ 2.84 đến 3.12. Trong đó, điều kiện được đánh giá khá nhất là “Nhà trường quan tâm, chú trọng đến đổi mới phương pháp giáo dục HS bằng phương pháp kĩ thuật tích cực, không sử dụng trừng phạt” (ĐTB=3.12). Trong thời gian vừa qua với sự chỉ đạo của các cơ quan ban ngành giáo dục đã chỉ đạo các trường không được sử dụng biện pháp trừng phạt HS. Do đó, các trường đã có sự thay đổi. Một cán bộ quản lí chia sẻ: “Chúng tôi đã chỉ đạo GV là không được nêu đích danh những HS vi phạm trước tập thể. Cấm mọi hành vi xâm phạm đến thân thể HS” (CBQL2).

Các cán bộ quản lí, GV cũng đánh giá khá điều kiện “Sự thống nhất giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường trong việc sử dụng phương pháp kĩ thuật tích cực, nói không với trừng phạt”. Điều kiện quan trọng là sự phối hợp giữa các lực lượng trong trường để tạo nên môi trường thống nhất.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy những điều kiện sau còn hạn chế như:

- Hiểu biết, năng lực sử dụng phương pháp kĩ thuật tích cực của GV: Kết quả khảo sát ở phần 3.4 cho thấy năng lực giáo dục HS bằng phương pháp kĩ thuật tích cực còn hạn chế.
- Sự phối kết hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục HS bằng phương pháp kĩ thuật tích cực: Một GV cho biết: “Mặc dù ở trường, các thầy/cô được quán triệt là không được dùng trừng phạt, nhưng ở nhà, một bộ phận phụ huynh vì kĩ năng quản lí cảm xúc hạn chế nên vẫn dùng roi vọt” (GV1).
- Các tài liệu hướng dẫn thực hiện kĩ thuật tích cực cho HS: Một cán bộ quản lí chia sẻ: “Hiện nay, các

trường chỉ có một số tài liệu tập huấn được cung cấp từ Bộ GD&ĐT. Nguồn tài liệu quá ít ỏi” (CBQL3).

Như vậy, để đảm bảo thực hiện giáo dục HS bằng phương pháp kĩ thuật tích cực, các trường cần phải đảm bảo môi trường giáo dục trong và ngoài nhà trường, năng lực của GV, tài liệu.

#### 4. KẾT LUẬN

Giáo dục HS bằng phương pháp kĩ thuật tích cực nhằm xây dựng môi trường thân thiện, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của HS. Kết quả khảo sát cho thấy các cán bộ quản lí, GV đã nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp này. Các biện pháp giáo dục HS bằng phương pháp kĩ thuật tích cực được sử dụng khá đa dạng song với các mức độ khác nhau. Biện pháp “khen ngợi” là được sử dụng nhiều nhất. Ứng xử với sai phạm của HS theo hệ quả tự nhiên và logic là ít sử dụng nhất. Các nguyên tắc đảm bảo cho việc giáo dục HS bằng phương pháp kĩ thuật tích cực được thực hiện hiệu quả đã được các GV áp dụng song vẫn còn hạn chế. Các phẩm chất và năng lực của GV cần thiết cho việc giáo dục HS bằng phương pháp kĩ thuật tích cực chủ yếu được đánh giá ở mức khá. Trong đó, các phẩm chất được đánh giá cao hơn so với năng lực. Các điều kiện về phía nhà trường, GV và HS đảm bảo cho việc thực hiện giáo dục HS bằng phương pháp kĩ thuật tích cực vẫn còn những hạn chế nhất định, cần cải thiện. Kết quả khảo sát từ HS cho thấy các em mong muốn được GV sử dụng phương pháp kĩ thuật tích cực và khi GV sử dụng phương pháp kĩ thuật tích cực, HS thích đến trường, cảm thấy vui, hạnh phúc và yêu quý thầy/cô. Thực trạng này cho thấy các trường cần tăng cường hơn nữa việc sử dụng giáo dục học sinh bằng phương pháp kĩ thuật tích cực.



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết Số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, 2013.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể*, 2018.
- [3] Bộ GD&ĐT, *Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo*, 2008
- [4] Bộ GD&ĐT, *Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 ban hành Điều lệ trường tiểu học*, 2020.
- [5] Quốc hội, *Luật số 25/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 ban hành Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em*, 2004.
- [6] Quốc hội, *Luật số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 ban hành Bộ Luật Hình sự*, 2015.
- [7] Quốc hội, *Luật số: 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 ban hành Luật Giáo dục*, 2019.
- [8] Bộ GD&ĐT, *"Tài liệu bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông về giáo dục kỉ luật tích cực"*, 2015.
- [9] L. Browning, B. Davis, and V. Resta, "What do you mean "think before I act"?: Conflict resolution with choices", *Journal of Research in Childhood Education*, 14, 2, 232-238, 2000.
- [10] C. Goodenow, "The psychological sense of school membership among adolescents: Scale development and educational correlates", *Psychology in the Schools*, 30, 79-90, 1993
- [11] M.D. Resnick, P.S. Bearman, R.W. Blum, K.E. Buoman, ... and J.R. Udry, "Protecting adolescents from harm: Findings from the national longitudinal study on adolescent health", *Journal of the American Medical Association*, 278, 10, 823–832, 1997.
- [12] Plan, *"Phương pháp kỉ luật tích cực"*, 2009
- [13] Dự án "Thúc đẩy quản lí cộng đồng tại Việt Nam, *"Tài liệu tập huấn: Giáo dục kỉ luật tích cực (tài liệu dành cho giáo viên THCS)"*, 2014
- [14] N. Hòa, L.T. Hương (đồng chủ biên), L.T.M. Huyền, T.T. Hiền, L.T.H. Điệp, *"Giáo trình giáo dục kỉ luật tích cực cho trẻ mầm non"*, Thái Nguyên: NXB Đại học Thái Nguyên, 2023.

## The current situation of educating students using positive discipline methods in primary schools in Pleiku city, Gia Lai province

Dinh Thi Hong Van, Nguyen Thi Hong, Tran Minh Duc,  
Tran The Son and Pham Thi Diep

**ABSTRACT**

*Positive discipline is an effective method of educating students that is being promoted in schools. This study presents the current situation of educating students using positive discipline methods in primary schools in Pleiku City, Gia Lai province. The primary method is a survey using questionnaires and interviews. Data was collected from 179 administrators, teachers, and 400 students and processed using SPSS 26.0 software. Research shows that school leaders and teachers know the importance of positive discipline. Students want teachers to use this method. Primary schools have implemented the method of educating students with positive discipline and have achieved specific results. However, there are still limitations in implementation measures and conditions to ensure teachers' implementation capacity. This situation*

*shows that schools need to take measures to improve the effectiveness of using positive discipline methods to educate students.*

**Keywords:** *education, primary schools, positive discipline*

---

Received: 29/03/2024

Revised: 02/05/2024

Accepted for publication: 04/05/2024